

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HSST

Ngày: 21/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Ry. Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trường phổ thông dân tộc nội trú B, tỉnh L.

2. Ông: Trần Đình Lạc. Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện B, tỉnh L.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ka Hít** - cán bộ Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông **K'Kràng** – Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã LT, huyện B, tỉnh L xét xử công khai, lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Quê quán: TB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm vườn; NKKT và chỗ ở: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L; con ông Lê Quang T, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1966; Vợ: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 27/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/02/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. “Có mặt”.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trọng V**, sinh năm 1991. Tên gọi khác: V cao; Quê quán: Bến tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; NKKT và chỗ ở: Thôn 12, xã LT, huyện B, tỉnh L; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; Sống chung như vợ chồng với chị Dương Thị Bích T, sinh năm 1995 (Không rõ nơi cư trú); có 01 con chung sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 29/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. “Có mặt”.

3. Họ và tên: **K'**, sinh ngày 22/6/2001 đến ngày phạm tội bị cáo được 15 tuổi 03 tháng 09 ngày. Tên gọi khác: Không; Quê quán: L; Dân tộc: K' Ho; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; NKKT: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L; con ông J, sinh năm 1977 và bà N, sinh năm 1981; Vợ: Chưa có; Tiền án,

tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 04/4/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. “Có mặt”.

4. Họ và tên: **K**, sinh ngày 15/11/1998. Tên gọi khác: Không; Quê quán: L; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: K’Ho; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; NKTT và chỗ ở: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L; Con ông A, sinh năm 1979 và bà M, sinh năm 1977; Bị bắt tạm giam ngày 12/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. “Có mặt”.

*** Người bào chữa cho bị cáo K’ và K:** Ông Đỗ Văn B, văn phòng luật sư Đỗ B thuộc đoàn luật sư tỉnh L. Địa chỉ: Số 255 đường X, phường LP, thành phố BL, tỉnh L. “Có mặt”.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K’:**

- Ông J, sinh năm 1977. Quê quán: L; Nghề nghiệp: Làm vườn; NKTT chỗ ở: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Bà N, sinh năm 1981. Quê quán: L. Nghề nghiệp: Làm vườn; NKTT: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Anh C, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Anh P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Anh D, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Anh S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Anh G, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

- Ông Lê Quang T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 15, xã LT, huyện B, tỉnh L. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

“Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:”

Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 22/02/2017, tại nhà anh Phạm Văn Q, công an huyện B kết hợp với Công an xã LT tiến hành kiểm tra thu giữ tại túi quần của Q 02 gói nylon màu trắng chứa các hạt tinh thể màu trắng hồng là số ma túy đá do bị cáo Lê Văn H vừa bán cho Q; kiểm tra bóp da của bị cáo H thu giữ được 01 gói nylon màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng hồng. H khai nhận số ma túy đá trên do H mua lại của bị cáo Nguyễn Trọng V.

Ngày 23/02/2017, Công an huyện B phối hợp với Công an phường S, TP. BL kiểm tra phòng trọ của bị cáo V, thu giữ của V 07 gói nylon màu trắng trong mỗi gói đều chứa các hạt tinh thể màu trắng hồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được Bị cáo Lê Văn H là chủ tiệm game, đã lôi kéo, rủ rê nhiều đối tượng lêu lổng, nghiện game đến chơi game và sử dụng ma túy của bị cáo miễn phí. Sau khi các đối tượng này nghiện và cần ma túy sử dụng thì bị cáo sử dụng họ để bán ma túy cho bị cáo. Trong khoảng từ tháng 9/2016 đến ngày 23/02/2017, bị cáo H đã nhờ bị cáo V mua ma túy với mục đích để sử dụng và bán lại để kiếm lời tổng cộng 08 lần với tổng số tiền là 43.800.000đ; Sau khi có

ma túy từ V, H phân lẻ ra thành gói nhỏ rồi trực tiếp bán cho các đối tượng nghiện 83 lần, trong đó nhờ K' bán giúp ma túy 14 lần thu lợi số tiền là 3.400.000đ. Đối với Nguyễn Trọng V sau khi mua dùm ma túy cho H, ngoài việc được H cho ma túy, được hưởng chênh lệch do kê khống số tiền mua ma túy còn xén bớt một ít ma túy trong mỗi lần mua dùm cho H để phân lẻ ra thành nhiều gói nhỏ bán lại cho bị cáo K và anh S 03 lần với số tiền thu được là 700.000đ, nhờ K bán giúp ma túy cho V 03 lần với tổng số tiền thu được là 1.300.000đ.

Kết luận giám định số 354/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L thì các hạt tinh thể màu trắng hồng thu giữ của Q, H qua giám định đều là chất ma túy methamphenmatine, có tổng trọng lượng là 0,3008 gam; Kết luận giám định số 355/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L thì các hạt tinh thể màu trắng hồng thu giữ của V qua giám định là chất ma túy methamphenmatine, có tổng trọng lượng là 0,7015 gam.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc hay khiếu nại hay tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K' và K cho rằng khi phạm tội bị cáo K chưa đủ 18 tuổi; thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát về điều luật áp dụng cho bị cáo nhưng đối với mức hình phạt là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và các quy định tại điểm c khoản 2 Điều 91 Bộ luật hình sự 2015 đối với người chưa thành niên phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo K' bằng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 96 Bộ luật hình sự 2015; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo K.

Đại diện hợp pháp cho bị cáo K', bị cáo K' và bị cáo K thống nhất với bào chữa của luật sư và không tranh luận gì.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có thắc mắc, khiếu nại và không tranh luận gì.

Về vật chứng: Bị cáo V không thừa nhận xe máy hiệu Wave, biển kiểm soát 60M7-2373 thuộc sở hữu của bị cáo mà cho rằng là của bạn gái bị cáo chị N.

Cáo trạng 57/CTr-VKS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L đã truy tố bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Trọng V, K' và K về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o, q khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 09-10 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng V từ 08-09 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o, q khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo K từ 04-05 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o, q khoản 1 Điều 46; Điều 47, 68, 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo K' từ 02-03 năm tù.

2. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn H 4.000.000 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự

- Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định số 354/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 (ghi vụ Phạm Văn Q, Lê Văn H) và 355/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 (ghi vụ Nguyễn Trọng V) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L; 02 nỏ thủy tinh bị gãy của Phạm Văn Q; 01 bộ sử dụng ma túy của Nguyễn Trọng V.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Asus zenpad màu đen của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Hiwing màu trắng đen của bị cáo V; 800.000đ tiền mặt của bị cáo H trong số tiền 1.150.000đ bị thu giữ ngày 22/02/2017. Buộc bị cáo V nộp lại số tiền 4.400.000đ thu lợi từ 08 lần mua giúp ma túy cho bị cáo H, 700.000đ thu lợi từ việc bị cáo K và anh S bán ma túy cho bị cáo V trong 03 lần và 1.300.000đ bị cáo V trực tiếp bán cho bị cáo K trong 03 lần để sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 3.400.000đ thu lợi từ việc bị cáo K' bán ma túy cho bị cáo trong 14 lần để sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo K' nộp lại số tiền 200.000đ thu lợi từ việc bán ma túy cho bị cáo H trong 14 lần để sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo K nộp lại số tiền 200.000đ thu lợi từ việc bị cáo bán ma túy cho bị cáo V trong 03 lần để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn H 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 bóp da màu vàng cam và 350.000đ tiền mặt của bị cáo H trong số tiền 1.150.000đ bị thu giữ ngày 22/02/2017 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; anh Phạm Văn Q 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ sẫm.

- Đối với 01 xe máy hiệu Wave màu đỏ BS: 60M7-2373, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chưa chứng minh được chủ sở hữu nên đề nghị giao cho Cơ quan điều tra xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với số tiền 4.000.000đ do ông Lê Quang T là cha ruột của bị cáo H nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 10/11/2017 để khắc phục hậu quả cho bị cáo H đề nghị hoàn trả cho ông T.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội sửa chữa, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

“Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:”

Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý

kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tư cách tố tụng của ông Lê Quang T là bố ruột của bị cáo Lê Văn H: Ông T không liên quan gì trong vụ án nên tại Q định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/HSST-QĐ ngày 03/11/2017 không đưa ông vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên đến ngày 10/11/2017, ông T cung cấp cho Tòa án giấy nộp số tiền 4.000.000đ của ông vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L để khắc phục hậu quả cho bị cáo H. Do đó, Hội đồng xét xử bổ sung ông vào với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với số tiền trên.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đã có cơ sở khẳng định:

Khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến ngày 23/02/2017, bị cáo Lê Văn H đã nhờ Nguyễn Trọng V mua ma túy với mục đích để sử dụng và bán lại cho đối tượng nghiện để kiếm lời tổng cộng: 08 lần với tổng số tiền là 43.800.000đ; sau đó H phân lẻ ra thành gói nhỏ bán lại tổng số: 83 lần cho 07 đối tượng nghiện và nhờ K' giao giúp ma túy H là 14 lần với tổng số tiền là 3.400.000đ. Đối với Nguyễn Trọng V sau khi mua dùm hưởng chênh lệch thì được H cho ma túy để sử dụng đồng thời V tiếp tục phân lẻ ra thành gói nhỏ bán lại cho các đối tượng nghiện: 03 lần với số tiền thu được là 700.000đ và nhờ K bán giúp ma túy cho V 03 lần với tổng số tiền thu được là 1.300.000đ.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được ma túy là chất độc hại, một loại hàng đặc biệt nhà nước độc quyền quản lý, bất kỳ ai vi phạm đến ma túy, tùy tính chất mức độ đều bị xử lý nghiêm bằng luật hình sự nhưng các bị cáo vẫn cố tình vi phạm. Đối với hành vi này phải được nghiêm trị trước pháp luật, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo các lần mua bán ma túy trước đây nên được áp dụng điểm p, o khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo K' khi phạm tội bị dụ dỗ, lôi kéo; bị cáo K' và bị cáo K là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế; Bị cáo V, K' và K có nhân thân tốt thể hiện qua việc chưa có tiền án, tiền sự gì nên được áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; riêng bị cáo V, do xét thấy tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, là người giúp

sức tích cực cho bị cáo H, là người biết nơi cung cấp ma túy và mua giúp ma túy cho bị cáo H 08 lần với số tiền lớn 43.800.000đ, bản thân bị cáo đã lợi dụng sự hiểu biết hạn chế về pháp luật của bị cáo K là người dân tộc thiểu số để bán ma túy cho bị cáo 03 lần, trực tiếp bán 03 lần nên không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Bị cáo H có nhân thân xấu thể hiện qua việc ngày 27/4/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xử phạt 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích, bị cáo đã chấp hành án xong và đã được xóa án tích. Mặt khác, số lượng ma túy bị cáo mua rồi bán lại rất lớn, hoạt động trong một thời gian dài ở những địa bàn khác nhau của huyện B và thành phố Bảo Lộc, tỉnh L; bị cáo H đã có hành vi lôi kéo, dụ dỗ nhiều đối tượng chơi game tại quán internet của bị cáo để bị cáo cho sử dụng ma túy miễn phí, sau đó xúi giục các đối tượng này bán ma túy cho bị cáo hoặc mua ma túy của bị cáo để sử dụng, điển hình trong vụ án này có bị cáo K' là người chưa thành niên đã bán dùm ma túy cho bị cáo trong 14 lần. Tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H rất nghiêm trọng, nếu không bị phát hiện kịp thời sẽ gây ra hậu quả rất lớn cho xã hội. Do đó, bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt áp dụng cho bị cáo H cao hơn so với bị cáo V và các bị cáo còn lại.

Xét yêu cầu của Luật sư đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 91 và Điều 96 Bộ luật hình sự, áp dụng biện pháp tư pháp đưa bị cáo K' vào trường giáo dưỡng là không có cơ sở xem xét chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo tham gia giúp sức cho bị cáo H rất tích cực trong 14 bốn lần bán ma túy, bản thân bị cáo còn là đối tượng nghiện ma túy nặng. Đối với bị cáo K, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện khi phạm tội đã đủ 18 tuổi, điểm c khoản 2 Điều 91 Bộ luật hình sự không áp dụng đối với người phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo vụ trong việc bán ma túy. Do đó, không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của luật sư đối với bị cáo K' và bị cáo K.

Xét đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện B thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là nhẹ, chưa đủ mức răn đe, phòng ngừa riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, cũng như việc đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn ma túy nói riêng và tội phạm cả nước nói chung. Đối với đề nghị áp dụng cho các bị cáo điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện B là không đúng, bởi lẽ tình tiết các bị cáo khai ra những lần phạm tội trước đó ngoài lần bị bắt quả tang được xem là thật thà khai báo đã được áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- **Về hình phạt bổ sung:** Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- **Xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định số 354/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 (ghi vụ Phạm Văn Q, Lê Văn H) và số

355/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 (ghi vụ Nguyễn Trọng V) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L; 02 nổ thủy tinh bị gãy của Phạm Văn Q; 01 bộ sử dụng ma túy của Nguyễn Trọng V.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Asus zenpad màu đen của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Hiwing màu trắng đen của bị cáo V; 800.000đ tiền mặt của bị cáo H trong số tiền 1.150.000đ bị thu giữ ngày 22/02/2017. Đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội. Buộc bị cáo V nộp lại số tiền 4.400.000đ thu lợi từ 08 lần mua giúp ma túy cho bị cáo H, 700.000đ thu lợi từ việc bị cáo K và anh S bán ma túy cho bị cáo V trong 03 lần và 1.300.000đ bị cáo V trực tiếp bán cho bị cáo K trong 03 lần để sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 3.400.000đ thu lợi từ việc bị cáo K' bán ma túy cho bị cáo trong 14 lần để sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo K' nộp lại số tiền 200.000đ thu lợi từ việc bán ma túy cho bị cáo H trong 14 lần để sung vào Ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo K nộp lại số tiền 200.000đ thu lợi từ việc bị cáo bán ma túy cho bị cáo V trong 03 lần để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn H 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 bóp da màu vàng cam và 350.000đ tiền mặt của bị cáo H trong số tiền 1.150.000đ bị thu giữ ngày 22/02/2017 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; anh Phạm Văn Q 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ sẫm do không liên quan đến việc phạm tội.

- Đối với 01 xe máy hiệu Wave màu đỏ BS 60M7-2373, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chưa chứng minh được chủ sở hữu nên giao cho Cơ quan điều tra xác minh, xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

- Đối với số tiền 4.000.000đ do ông Lê Quang T là cha ruột của bị cáo H nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 10/11/2017 để khắc phục hậu quả cho bị cáo H. Tuy nhiên, trong vụ án này không có thiệt hại về vật chất nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho ông T.

- **Về án phí, lệ phí tòa án:** Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng án phí của bị cáo K do bố mẹ nộp thay.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Trọng V, K', K phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng V 11 (Mười một năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 Bộ luật hình sự Xử phạt bị cáo K 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 68, 69, 74 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo K' 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2017..

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự:

- **Tịch thu tiêu hủy:** 02 phong bì niêm phong khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định số 354/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 (ghi vụ Phạm Văn Q, Lê Văn H) và số 355/GĐ-PC45 ngày 25/02/2017 (ghi vụ Nguyễn Trọng V) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L; 02 nỏ thủy tinh bị gãy của Phạm Văn Q; 01 bộ sử dụng ma túy của Nguyễn Trọng V.

- **Tịch thu sung Ngân sách nhà nước:** 01 điện thoại di động hiệu Asus zenpad màu đen của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Hiwing màu trắng đen của bị cáo V; 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) tiền mặt của bị cáo H trong số tiền 1.150.000đ bị thu giữ ngày 22/02/2017 đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Buộc bị cáo V nộp lại số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng); bị cáo H nộp lại số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng); Buộc bị cáo K' nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng); bị cáo K nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) thu lợi từ việc bán ma túy để sung vào Ngân sách nhà nước. Ông J và bà N có trách nhiệm nộp thay cho bị cáo K'.

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn H 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 bóp da màu vàng cam và 350.000đ tiền mặt trong số tiền 1.150.000đ bị thu giữ ngày 22/02/2017 đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án; hoàn trả cho anh Phạm Văn Q 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ sẫm.

- Giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện B 01 xe máy hiệu Wave màu đỏ BS 60M7-2373 để điều tra xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

- Hoàn trả cho ông Lê Quang T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 10/11/2017.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Ông J và bà N có trách nhiệm nộp thay án phí cho bị cáo K'.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 21/7/2017 để Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS H B;
- Bị cáo, ĐDHp của bị cáo, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Linh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ry

Trần Đình Lạc

Nguyễn Văn Linh